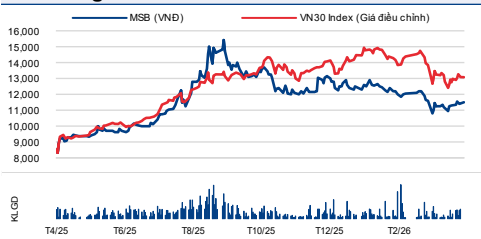


Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ15,400
Tiềm năng tăng/giảm: 33.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (6/4/2026)	11,500
Mã Bloomberg	MSB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	8,333-15,416
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	11,467
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	39,146
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,486
Slg CP lưu hành (tr.đv)	3,404
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	991
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	29.1%
Tỷ lệ freefloat	64.8%
Cổ đông lớn	VNPT (6.05%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá

Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
Tổng tài sản (ntđ)	407,674	441,600	500,456
Dư nợ cho vay (ntđ)	205,209	232,532	265,989
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	14,045	17,034	18,291
Lợi nhuận thuần (ntđ)	5,629	6,356	6,287
BVPS (đồng)	13,605	15,642	17,657
EPS (đồng)	1,804	2,037	2,015
DPS (đồng)	0	0	0
T.trưởng cho vay KH (%)	16.3	13.3	14.4
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	(1.22)	21.3	7.38
Tăng trưởng EPS (%)	1.97	12.9	(1.09)
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0
ROAE (%)	14.2	13.9	12.1
ROAA (%)	1.55	1.50	1.33
Tỷ lệ NIM (%)	3.15	3.20	3.28
Tỷ lệ CIR (%)	36.1	38.3	39.6
Hệ số CAR (%)	12.7	12.3	13.3
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.69	2.80	2.75
LLR/nợ xấu (%)	51.6	45.4	45.8
Hệ số LDR (%)	104	108	108
P/B (lần)	0.85	0.74	0.65
P/E (lần)	6.37	5.65	5.71
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam là ngân hàng tư nhân quy mô vừa và nhỏ tại Việt Nam, tập trung vào mảng bất động sản và cho vay mua nhà.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Bảo Ngọc
Chuyên Viên, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ngoc.nguyenbao@hsc.com.vn
+84 3 4605 3471 Ext. 4883

Phạm Liên Hà, CFA
Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Tài liệu ĐHCĐ: Kế hoạch LNTT tăng trưởng 13%, sát với dự báo

- MSB dự kiến sẽ tổ chức ĐHCĐ vào ngày 24/4/2026 và đã công bố các tài liệu liên quan. BLĐ đặt kế hoạch LNTT tăng trưởng 13% trong năm 2026, sát với dự báo của chúng tôi mặc dù kế hoạch tăng trưởng tín dụng/huy động tham vọng hơn.
- MSB trình kế hoạch chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 20% và đề xuất lại các sáng kiến chiến lược quan trọng, bao gồm phê duyệt lại kế hoạch mua một công ty quản lý quỹ và chuyển đổi công ty tài chính tiêu dùng TNEX Finance (MSB sở hữu toàn bộ cổ phần) thành một công ty tài chính tổng hợp.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào cho MSB với giá mục tiêu là 15.400đ, tương đương tiềm năng tăng giá 34% và P/B dự phóng năm 2026 là 0,99 lần với hệ số ROE đạt 13,9%.

Sự kiện: Công bố tài liệu ĐHCĐ

MSB dự kiến sẽ tổ chức ĐHCĐ vào ngày 24/4/2026 và đã công bố các tài liệu liên quan. Những nội dung chính bao gồm: Kế hoạch lợi nhuận năm 2026 và điều chỉnh kế hoạch cơ cấu doanh nghiệp.

Kế hoạch năm 2026: LNTT tăng trưởng 13%, kế hoạch khả thi

HSC tóm tắt kế hoạch kinh doanh năm 2026 của MSB trong Bảng 1. Những thông tin chính bao gồm: (1) Tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ đạt 17,8%; và (2) tăng trưởng LNTT vừa phải ở mức 13,3% (so với dự báo của chúng tôi: 12,6%). Dựa trên các cuộc thảo luận trước đó, BLĐ kỳ vọng động lực tăng trưởng lợi nhuận bao gồm: Tăng trưởng tín dụng vững chắc, tỷ lệ NIM ổn định hoặc cải thiện nhẹ (tiềm năng mở rộng 30 điểm cơ bản trong kịch bản tích cực) và thu nhập từ thu hồi tài sản tồn đọng không thường xuyên.

Nhận định của chúng tôi: Kế hoạch lợi nhuận nhìn chung sát với dự báo mặc dù giả định tăng trưởng tín dụng và huy động của BLĐ có vẻ tham vọng hơn so với kỳ vọng của chúng tôi. Chúng tôi cho rằng động lực tăng trưởng lợi nhuận chính bao gồm: Thu nhập từ thu hồi nợ xấu không thường xuyên (dự kiến ghi nhận ban đầu vào trong năm 2025), tỷ lệ NIM cải thiện khiêm tốn 5 điểm cơ bản lên 3,2% và đóng góp thu nhập phí dần gia tăng – bù đắp áp lực trích lập dự phòng.

Kế hoạch doanh nghiệp: Chiến lược giữ nguyên nhưng điều chỉnh lộ trình

Những tờ trình chính bao gồm:

- Mua lại một công ty quản lý quỹ: Động thái này vẫn theo sát với chiến lược

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 7/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Kế hoạch kinh doanh năm 2026, MSB

MSB đặt kế hoạch tăng trưởng LNTT đạt 13%, sát với dự báo của chúng tôi

Tỷ đồng	2025	Kế hoạch 2026	Tăng trưởng	2026 HSCF	HSCF / kế hoạch
Tổng tài sản	407,674	460,000	12.8%	441,600	96.0%
Tổng tín dụng	207,170	244,000	17.8%	234,493	96.1%
Tổng vốn huy động	226,306	280,000	23.7%	246,835	88.2%
LNTT	7,058	8,000	13.3%	7,945	99.3%
Tăng trưởng tín dụng	16.8%	17.8%		13.2%	-4.6 điểm %
ROA	1.5%	1.5%		1.5%	0.0 điểm %
ROE	14.2%	14.0%		13.9%	-0.1 điểm %

Nguồn: MSB, HSC

đã được thông qua tại ĐHCĐ năm 2025 nhưng vẫn chưa được thực hiện. MSB đang xin phê duyệt lại để tiếp tục thương vụ.

- Chuyển đổi TNEX (MSB sở hữu 100%) thành một công ty tài chính tổng hợp: Loại hình này mở rộng phạm vi các hoạt động kinh doanh và không bị giới hạn phải duy trì tỷ lệ dư nợ hoạt động cấp tín dụng chính trên tổng dư nợ cấp tín dụng, cho phép nhiều sự linh hoạt hơn.

HSC chưa bao gồm những động thái này vào mô hình dự báo do kế hoạch này vẫn đang trong giai đoạn đầu.

Thêm về TNEX

MSB trình bày động thái liên quan đến TNEX là nhằm khai thác thêm tiềm năng từ nhóm khách hàng doanh nghiệp (cho vay, thu phí, và đầu tư TPDN). Qua trao đổi, Ngân hàng cũng cho biết vẫn kiên định với mục tiêu thoái vốn, tuy nhiên chuyển dịch timeline phù hợp hơn (mục tiêu đến 2028-29, so với trước là muộn nhất 2027) để phát triển công ty lớn hơn, hỗ trợ mức định giá cao hơn.

Nhận định của chúng tôi: Tại ĐHCĐ năm 2025, MSB cũng đã đề cập đến kế hoạch hoàn thiện hệ sinh thái dịch vụ tài chính, bao gồm: mua lại 1 công ty chứng khoán và 1 công ty quản lý quỹ và thoái vốn tại công ty con duy nhất hiện tại là TNEX, công ty tài chính tiêu dùng quy mô nhỏ với thị phần dưới 2% trong 2025. So với các kế hoạch trước đó, chúng tôi đánh giá thay đổi chủ yếu là về timeline còn chiến lược dài hạn vẫn giữ. Cụ thể như sau:

- Kế hoạch mua lại một CTCK có vẻ bị trì hoãn, có thể do quá trình tái cấu trúc đang diễn ra tại công ty mục tiêu.
- Kế hoạch kinh doanh của TNEX được hoàn thiện hơn với động lực tăng trưởng mới từ phân khúc khách hàng doanh nghiệp. Tuy nhiên, chiến lược này vẫn đang ở giai đoạn đầu và có phần khác biệt do các công ty tài chính thường tập trung vào cho vay tiêu dùng lãi suất cao do chi phí huy động cao hơn. Dữ liệu để đánh giá tác động tiềm năng trong giai đoạn hiện tại vẫn hạn chế.
- TNEX đã tăng trưởng mạnh trong 2025, trong đó kênh số - phân phối qua hệ sinh thái đối tác công nghệ, fintech - phát triển mạnh, và tham vọng tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao, cải thiện mạnh khả năng sinh lời để tối đa hóa mức định giá khi thoái vốn. Mặc dù đóng góp hiện tại của Công ty vào lợi nhuận hợp nhất vẫn khiêm tốn nhưng với vốn điều lệ mới được nâng lên 1,5 nghìn tỷ đồng (từ 500 tỷ đồng) và kế hoạch tăng trưởng mạnh mẽ, một thương vụ thoái vốn tiềm năng trong 2-3 năm tới có thể đem lại một khoản lợi nhuận đột biến đáng kể cho MSB.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu là 15.400đ

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu là 15.400đ, tương đương tiềm năng tăng giá 34% và P/B dự phóng năm 2026 là 0,99 lần với hệ số ROE dự phóng đạt 13,9%.

Bảng 2: Các chỉ số quan trọng thực tế & kế hoạch, TNEX Finance

TNEX đóng góp dưới 1% vào LNTT của MSB trong năm 2025, tuy nhiên BLĐ đặt kế hoạch tăng trưởng đầy tham vọng cho TNEX Finance nhằm tối đa hóa định giá của đơn vị này

	2024	2025	Kế hoạch 2026	Kế hoạch 2027	Kế hoạch 2028	Kế hoạch 2029
% tổng tín dụng hợp nhất	1.0%	1.8%	3.4%			
% LNTT hợp nhất	0.1%	0.3%	3.4%			
Tăng trưởng cho vay	-18%	114%	117%	28%	37%	38%
Hệ số CIR	54%	31%	35%	31%	29%	25%
Chi phí dự phòng / Tổng thu nhập HĐ	45%	65%	52%	56%	52%	51%
ROA	0.1%	0.3%	2.8%	3.4%	5.0%	5.9%
ROE	0.6%	1.3%	12.3%	15.7%	25.4%	26.2%

Nguồn: MSB, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Thu nhập lãi	18,681	21,601	27,488	30,621	35,110
Chi phí lãi	(8,438)	(10,654)	(14,627)	(15,952)	(18,231)
Thu nhập lãi thuần	10,243	10,947	12,861	14,669	16,879
Lãi thuần HĐ dịch vụ	1,354	1,753	1,962	2,251	2,462
Lãi thuần HĐ KDNH	1,056	845	1,114	1,072	1,071
Lãi/lỗ từ mua bán CK	273	(76.7)	(53.2)	0	0
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0	0	0	0	0
Thu nhập khác	1,292	576	1,150	300	280
Tổng thu nhập HĐ	14,218	14,045	17,034	18,291	20,692
Chi phí HĐ	(5,230)	(5,068)	(6,526)	(7,235)	(7,953)
LN trước dự phòng	8,988	8,977	10,508	11,056	12,739
Chi phí dự phòng	(2,084)	(1,918)	(2,564)	(3,198)	(3,845)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	6,904	7,058	7,945	7,858	8,894
Chi phí thuế TNDN	(1,384)	(1,430)	(1,589)	(1,572)	(1,779)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	5,520	5,629	6,356	6,287	7,115
EPS (đồng)	1,769	1,804	2,037	2,015	2,280
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Slg CP bình quân (triệu đv)	3,120	3,120	3,120	3,120	3,120
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	3,120	3,120	3,120	3,120	3,120
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	3,120	3,120	3,120	3,120	3,120

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	1,203	1,459	1,651	1,886	2,154
Tiền gửi tại NHNN	5,495	9,820	11,115	9,378	10,706
Tiền gửi tại các TCTD khác	60,936	73,969	86,762	99,142	107,062
Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	173,467	202,358	229,579	262,638	300,003
Tổng dư nợ cho vay	176,493	205,209	232,532	265,989	303,930
Dự phòng rủi ro	(3,026)	(2,851)	(2,953)	(3,351)	(3,927)
Chứng khoán đầu tư	65,570	97,293	88,339	100,665	114,643
CK đầu tư sẵn sàng để bán	65,605	97,308	88,354	100,680	114,658
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0
Dự phòng rủi ro	(34.9)	(14.7)	(14.7)	(14.7)	(14.7)
Đầu tư dài hạn	12.0	1.24	1.40	1.61	1.84
Tài sản cố định	433	498	563	536	612
Tài sản khác	13,032	22,276	23,590	26,209	29,955
Tổng tài sản	320,148	407,674	441,600	500,456	565,137
Nợ phải trả	283,331	365,228	392,799	445,367	502,933
Tiền gửi của NHNN	9,204	23,067	11,725	13,398	6,118
Tiền gửi của các TCTD khác	92,189	108,610	124,915	139,263	162,662
Tổng tiền gửi KH	154,612	196,672	214,746	245,386	280,132
Trái phiếu và CCTG	21,211	29,634	32,089	36,667	41,859
Nợ khác	5,384	6,812	8,207	9,378	10,706
Vốn chủ sở hữu	36,817	42,446	48,802	55,089	62,204
Vốn điều lệ	26,000	31,200	31,200	31,200	31,200
Thặng dư vốn cổ phần	33.0	33.5	33.5	33.5	33.5
Lợi nhuận giữ lại	7,495	6,818	12,346	17,680	23,851
Quỹ & vốn khác của CSH	3,289	4,394	5,222	6,176	7,119
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	320,148	407,674	441,600	500,456	565,137
BVPS (đồng)	11,800	13,605	15,642	17,657	19,937

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	19.9	27.3	8.32	13.3	12.9
Tăng trưởng cho vay KH (%)	18.3	16.3	13.3	14.4	14.3
Tăng trưởng huy động KH (%)	16.8	27.2	9.19	14.3	14.2
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	24.4	28.7	9.07	14.3	14.2
Tăng trưởng VCSH (%)	17.6	15.3	15.0	12.9	12.9
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	11.5	6.88	17.5	14.1	15.1
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	8.68	(3.11)	28.8	10.9	9.93
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	20.7	(0.12)	17.1	5.22	15.2
Tăng trưởng LNTT (%)	18.4	2.24	12.6	(1.09)	13.2
Tăng trưởng LN thuần (%)	18.9	1.97	12.9	(1.09)	13.2

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.84	3.86	4.01	3.88	3.88
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.78)	(1.39)	(1.54)	(1.54)	(1.49)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	95.6	95.5	94.8	94.9	94.9
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.13	2.10	2.55	2.74	3.10
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	nm	nm	nm	nm	nm

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	6.50	6.37	5.65	5.71	5.04
P/B (lần)	0.97	0.85	0.74	0.65	0.58
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	38.8	40.1	37.3	34.4	34.4
ROAA (%)	1.88	1.55	1.50	1.33	1.34
ROAE (%)	16.2	14.2	13.9	12.1	12.1
Chi phí huy động BQ (%)	3.34	3.35	3.95	3.90	3.94
Lợi suất góp BQ (%)	6.66	6.22	6.83	6.85	6.94
Lợi suất thuần (%)	3.32	2.86	2.88	2.95	3.00
Tỷ lệ NIM (%)	3.65	3.15	3.20	3.28	3.34
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	9.52	12.5	11.5	12.3	11.9
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	72.0	77.9	75.5	80.2	81.6
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	18.4	9.57	13.0	7.50	6.53
Tỷ lệ CIR (%)	36.8	36.1	38.3	39.6	38.4
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	12.4	12.7	12.3	13.3	13.3
VCSH/Tổng TS (%)	11.5	10.4	11.1	11.0	11.0
Đòn bẩy vốn (lần)	8.70	9.60	9.05	9.08	9.09

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.67	2.69	2.80	2.75	2.60
Hệ số LLR (%)	64.1	51.6	45.4	45.8	49.7

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	114	104	108	108	108
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	34.4	32.4	33.6	33.1	33.6
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	55.1	50.3	52.7	53.1	53.8

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	0	0	0	0	0
Số lượng nhân viên	6,678	6,678	6,678	6,678	6,678

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn